

QUỸ ETF SSIAM VNX50**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**Số/No.: **71** /2019/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Ha Noi, 26 February 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI****ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: **25/02/2019**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Components securities and cash component*:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1.800	4,1%
2	BMP	60	0,2%
3	BVH	110	0,8%
4	CII	290	0,5%
5	CTD	60	0,6%
6	CTG	590	0,9%
7	DHG	50	0,4%
8	DPM	250	0,4%
9	DXG	410	0,8%
10	EIB	1.570	2,0%
11	FLC	910	0,4%
12	FPT	730	2,5%
13	GAS	150	1,1%
14	GMD	400	0,8%
15	HBC	230	0,3%
16	HCM	130	0,3%
17	HDB	1.100	2,5%



Handwritten signature or mark

18	HPG	2.030	5,2%
19	HSG	400	0,2%
20	KBC	560	0,6%
21	KDC	200	0,3%
22	MBB	1.890	3,2%
23	MSN	830	5,5%
24	MWG	440	2,9%
25	NKG	170	0,1%
26	NLG	200	0,4%
27	NVL	510	2,2%
28	PDR	170	0,3%
29	PLX	180	0,8%
30	PNJ	210	1,6%
31	PVD	300	0,4%
32	PVS	300	0,5%
33	REE	270	0,7%
34	ROS	270	0,7%
35	SAB	150	2,8%
36	SBT	420	0,6%
37	SHB	1.600	0,9%
38	SSI	470	1,0%
39	STB	2.740	2,7%
40	VCB	570	2,7%
41	VCG	100	0,2%
42	VCI	170	0,5%
43	VCS	100	0,5%
44	VGC	300	0,5%
45	VHM	1.340	9,4%
46	VIC	1.170	10,3%
47	VJC	420	3,8%
48	VNM	900	10,1%
49	VPB	2.750	4,4%
50	VRE	1.660	4,4%
II	Tiền/Cash	14.776.617 VND	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spead between a basket and one lot of ETF in value:*

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Basket in value* 1.316.652.200 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* 1.331.428.817 VND
- + Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* 14.776.617 VND
- + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the spread*
- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/*With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	96.500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
2	SSI	28.250	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
3	VCB	62.000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
4	ACB	30.500	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	FPT	45.200	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	GMD	27.450	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	22.500	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MWG	89.000	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



9	NLG	27.200	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	PNJ	99.100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
11	REE	35.500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	VCG	27.500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	VPB	21.350	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (25/02/2019)	Kỳ trước/Last Period (22/02/2019)	Chênh lệch/ Change
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	9.700.000	9.700.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	13.400	13.400	0
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	<i>129.148.595.319</i>	<i>128.957.084.348</i>	<i>191.510.971</i>
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit</i>	<i>1.331.428.817</i>	<i>1.329.454.477</i>	<i>1.974.340</i>
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	<i>13.314,28</i>	<i>13.294,54</i>	<i>19,74</i>
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1.525,91	1.512,39	13,52



Trần Thị Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC